

Số: 147/2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2017

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước như sau:

1. Điểm d khoản 1 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“d) “Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác” là người được Tổng công ty cử, ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của Tổng công ty đối với một phần hoặc toàn bộ phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác, bao gồm cả người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử làm đại diện và được Tổng công ty kế thừa, ủy quyền tiếp tục làm người đại diện khi tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Người đại diện)”.

2. Khoản 9 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“9. Các nhiệm vụ khác theo phân công của đại diện chủ sở hữu nhà nước”.

3. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty

Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và điều hành của Tổng công ty thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty”.

4. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty

Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty”.

5. Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Tổng công ty thực hiện tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các loại hình doanh nghiệp sau (không bao gồm các công ty nông, lâm nghiệp sau khi thực hiện phương án sắp xếp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; doanh nghiệp hoạt động chủ yếu sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của pháp luật; doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh; doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực xổ số kiến thiết và một số doanh nghiệp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ):

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên được chuyển đổi từ công ty nhà nước độc lập hoặc mới thành lập trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được chuyển đổi từ các doanh nghiệp độc lập 100% vốn nhà nước hoặc mới thành lập trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Công ty liên doanh có vốn góp nhà nước do các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm đại diện chủ sở hữu;

d) Công ty cổ phần được chuyển đổi từ các doanh nghiệp độc lập 100% vốn nhà nước hoặc mới thành lập trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

đ) Đối với các tập đoàn kinh tế, tổng công ty và các trường hợp khác, việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước cho Tổng công ty được thực hiện theo Quyết định hoặc văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tổng công ty có trách nhiệm phản ánh đầy đủ giá trị vốn nhà nước góp tại các doanh nghiệp đã nhận chuyển giao theo giá trị vốn được xác định tại Biên bản bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước giữa các bên hoặc Biên bản điều chỉnh việc bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước (nếu có).

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp cho Tổng công ty theo thời hạn sau:

a) Đối với các doanh nghiệp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này và các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp độc lập 100% vốn nhà nước:

- Các doanh nghiệp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này: Thực hiện chuyển giao theo thời hạn ghi tại Quyết định, văn bản của Thủ tướng Chính phủ hoặc trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ;

- Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp độc lập 100% vốn nhà nước: Thực hiện chuyển giao trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải hoàn thành việc công bố giá trị thực tế phân vốn nhà nước tại thời điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo quy định của pháp luật về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Trong thời hạn chuyển giao nêu tại điểm a khoản 3 Điều này, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa công bố giá trị thực tế phân vốn nhà nước tại thời điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu thì thực hiện chuyển giao giá trị vốn nhà nước theo giá trị được phê duyệt tại Phương án cổ phần hóa hoặc quyết định điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp cổ phần hóa. Sau khi chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Tổng công ty, doanh nghiệp thực hiện xử lý các tồn tại về tài chính của doanh nghiệp, quyết toán, công bố giá trị thực tế phân vốn nhà nước tại thời điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo quy định của pháp luật về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và điều chỉnh giá trị phân vốn nhà nước đã chuyển giao (nếu có).

b) Đối với các doanh nghiệp còn lại thuộc đối tượng chuyển giao theo khoản 1 Điều này: Thực hiện chuyển giao trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành hoặc trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu”.

6. Khoản 4 Điều 12 được sửa đổi như sau:

“4. Việc xác định giá khởi điểm khi bán phần vốn nhà nước phải bảo đảm phản ánh đầy đủ giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, trong đó bao gồm cả giá trị được tạo bởi giá trị quyền sử dụng đất giao hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai, giá trị các quyền sở hữu trí tuệ và tài sản vô hình khác (nếu có) của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tại thời điểm bán vốn”.

7. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Tổng công ty được chủ động sử dụng nguồn vốn kinh doanh để thực hiện đầu tư vào các dự án, lĩnh vực, ngành nghề trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Tổng công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Đầu tư có hiệu quả;

d) Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn của Tổng công ty;

đ) Đảm bảo nguồn vốn của Tổng công ty khi thực hiện các lĩnh vực đầu tư nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

2. Đối với các công trình, dự án hạ tầng quan trọng mà Nhà nước cần hỗ trợ đầu tư, Tổng công ty tham gia với vai trò nhà đầu tư tài chính và huy động nguồn vốn trong và ngoài nước để triển khai thực hiện.

3. Các trường hợp Tổng công ty không được đầu tư:

a) Đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty;

b) Góp vốn cùng công ty con để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh”.

8. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

..... **“Điều 18. Thẩm quyền quyết định đầu tư**

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án do Tổng công ty thực hiện đầu tư nêu tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 31 Luật đầu tư.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án do Tổng công ty thực hiện đầu tư nêu tại khoản 2 Điều 54 Luật đầu tư.

3. Trừ những dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Bộ Tài chính quyết định chủ trương đầu tư đối với từng dự án do Tổng công ty thực hiện đầu tư có quy mô vốn đầu tư trên 25% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định chủ trương đầu tư dự án hoặc trên mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công; phê duyệt chủ trương dự án đầu tư ra nước ngoài theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đầu tư.

4. Hội đồng thành viên quyết định hoặc phân cấp cho Tổng giám đốc Tổng công ty quyết định từng dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư không quá 25% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công; quyết định các dự án nêu tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương”.

9. Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 20. Các quyền, trách nhiệm của Tổng công ty đối với doanh nghiệp do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ

Quyền, trách nhiệm của Tổng công ty đối với doanh nghiệp do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty”.

10. Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 22. Quyền và trách nhiệm của Tổng công ty đối với doanh nghiệp là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn của Tổng công ty

Quyền và trách nhiệm của Tổng công ty đối với doanh nghiệp là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn của Tổng công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty”.

11. Khoản 4 Điều 31 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Trích các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật, trong đó dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư tài chính được thực hiện như sau:

a) Dự phòng các khoản vốn tiếp nhận và các khoản vốn Tổng công ty quyết định đầu tư tại các công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán (không phân định là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn), thực hiện trích lập căn cứ theo giá cổ phiếu trên thị trường tại ngày trích lập dự phòng;

b) Dự phòng các khoản vốn tiếp nhận và các khoản vốn Tổng công ty quyết định đầu tư tại các công ty chưa niêm yết (không phân định là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn), thực hiện trích lập căn cứ vào chỉ tiêu vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán năm của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty tại thời điểm trích lập dự phòng. Tại thời điểm trích lập dự phòng nếu Tổng công ty chưa nhận được báo cáo tài chính năm của các doanh nghiệp trước thời điểm trích lập dự phòng thì sử dụng báo cáo tài chính (năm, quý) thu thập được tại thời điểm gần nhất để xác định mức trích lập dự phòng”.

12. Điều 32 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 32. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý trong Tổng công ty

1. Cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý của Tổng công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật và phù hợp với tính chất đặc thù của Tổng công ty, đảm bảo tiền lương, thu nhập cho người lao động ổn định trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu doanh nghiệp, bán vốn nhà nước và đầu tư theo chỉ đạo của Chính phủ.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý phù hợp với tính chất đặc thù của Tổng công ty.”

13. Điểm c khoản 1 Điều 34 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Lợi nhuận còn lại, sau khi trừ đi các khoản quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 34 Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ được phân phối như sau:

- Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của Tổng công ty;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;
- Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

- Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định thì Tổng công

ty được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;

- Trích lập quỹ thưởng thành tích bán vốn bằng 10% chênh lệch giữa tổng tiền thu bán vốn tiếp nhận trong năm với giá được xác định lại theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ, chi phí bán và thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng không quá 3 tháng lương thực hiện;

- Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ của tổng công ty (Đầu tư phát triển; khen thưởng, phúc lợi; thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên; thưởng thành tích bán vốn) quy định tại khoản này được nộp về ngân sách nhà nước”.

14. Điều 37 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 37 Quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với Tổng công ty

Quyền, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Hội đồng thành viên đối với Tổng công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty”.

15. Khoản 3 Điều 38 được bổ sung như sau:

"e) Xác định và thông báo cho Tổng công ty danh sách các doanh nghiệp thuộc đối tượng chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước về Tổng công ty trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý;

g) Trường hợp các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không thực hiện chuyển giao theo quy định tại Nghị định này thì chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và những phát sinh về tài chính, tổn thất có liên quan (nếu có) theo quy định của pháp luật”.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

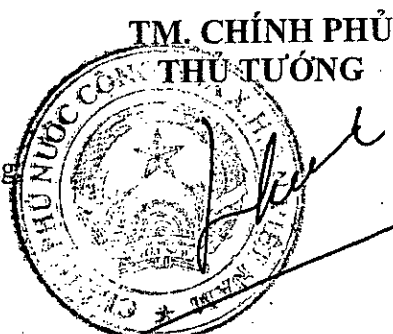
Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ các quy định tại khoản 8 Điều 4, điểm a khoản 4 Điều 14, Điều 23, Điều 28 Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- BCD Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ĐMDN (2b).KN 428



TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
Nguyễn Xuân Phúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 58/SY-UBND

Bình Định, ngày 08 tháng 01 năm 2018

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ;
- CVP, K17;
- Lưu: VT (08b).



TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Thái Bình